| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ ĐT**<br>**TỈNH QUẢNG NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 77/2022/QĐST-HNGĐ | *ĐT, ngày 23 tháng 11 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐT - TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ khoản 2 Điều 149; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1, 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Chị Phạm Thị A, sinh năm 1973; địa chỉ: tổ 2, khu CN, phường MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; là người yêu cầu.

2/ Anh Đồng Văn D, sinh năm 1963; địa chỉ: tổ 3, khu VQ 2, phường MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; là người yêu cầu;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]** Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị A và anh Đồng Văn D đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh năm 2017 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống giữa chị Ân và anh D hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính cách hai người trái ngược nhau, dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay, chị Phạm Thị A và anh Đồng Văn D cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Phạm Thị A và anh Đồng Văn D cùng thuận tình ly hôn.

**[2]** Về con chung: chị Phạm Thị A và anh Đồng Văn D khẳng định không có con chung.

**[3]** Về tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Thị A và anh Đồng Văn D khẳng định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**[3]** Về lệ phí: chị Phạm Thị A và anh Đồng Văn D thỏa thuận, thống nhất anh D tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình số tiền là 300.000$^{đ}$ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000$^{đ}$ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009761 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị A và anh Đồng Văn D thuận tình ly hôn.

**2.** Về lệ phí Tòa án: anh Đồng Văn D phải nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình số tiền là 300.000$^{đ}$ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000$^{đ}$ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009761 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**THẨM PHÁN**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Văn Năm**

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT;
- Chi cục Thi hành án DS ĐT;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường MK (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: hồ sơ việc dân sự,
- Văn phòng.